

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4237** /STP-HT

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 10 năm 2019

V/v tham gia góp ý dự thảo Quyết định
ban hành Quy chế phối hợp thực hiện việc
tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch
tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch
tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Kính gửi:

- Công an tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố.

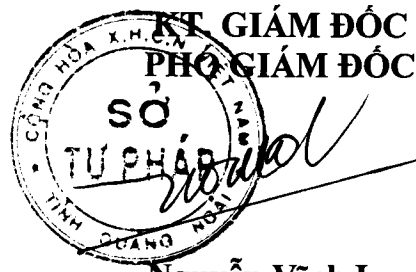
Thực hiện ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 2615/UBND-HCC ngày 27/5/2019 chỉ đạo việc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh; Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp, Sở Tư pháp đã xây dựng Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Để hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, Sở Tư pháp kính đề nghị Quý cơ quan tham gia góp ý vào dự thảo (có dự thảo Quyết định kèm theo).

Ý kiến tham gia góp ý của Quý cơ quan gửi về Sở Tư pháp **trước ngày 30/10/2019** để Sở Tư pháp tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Kính đề nghị Quý cơ quan quan tâm phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, Phó GD Sở phụ trách;
- Lưu: VT, VP, HCTP (vt).



Nguyễn Vĩnh Lạc

Số: /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2019

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Bộ luật Hình sự ngày 27 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Lý lịch tư pháp ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số ngày tháng năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh; Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự tỉnh; Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Tư pháp;
- TTLTPQG-Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH, CBTH;
- Lưu: VT, KSTTHC...

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Căng

QUY CHẾ

**Phối hợp thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp
thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và
cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2019
của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục đích, nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm phối hợp của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với Sở Tư pháp, Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố, Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phối hợp tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2. Thông tin lý lịch tư pháp bao gồm: Thông tin lý lịch tư pháp về án tích và thông tin lý lịch tư pháp về cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã được quy định tại Khoản 2, 3 Điều 2 của Luật Lý lịch tư pháp, thông tin về hộ tịch.

Điều 3. Mục đích phối hợp

1. Thiết lập cơ chế phối hợp đồng bộ và quy định trách nhiệm phối hợp giữa các Sở, ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phối hợp thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

2. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực lý lịch tư pháp.

Điều 4. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp thực hiện phải trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao của các cơ quan, đơn vị bảo đảm triển khai đầy đủ, chặt chẽ, thống nhất, tuân thủ các quy định của Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan

2. Đề cao tính chủ động, trách nhiệm trong quá trình phối hợp; việc phối hợp thực hiện phải thường xuyên, đồng bộ, chặt chẽ, đảm bảo cho việc hoạt động tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân, tổ chức được kịp thời, đầy đủ, chính xác theo đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định tại Quy chế này.

3. Bảo đảm yêu cầu về chuyên môn, chất lượng và thời gian phối hợp.

4. Quá trình phối hợp không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền trong việc thực hiện cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp và tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

2. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; tổ chức hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

3. Phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ ngành trung ương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; phối hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

Điều 6. Hình thức phối hợp

1. Các cơ quan, đơn vị có thể trao đổi bằng hình thức gặp trực tiếp, thông qua văn bản hoặc thông qua các phương tiện thông tin liên lạc.

2. Tổ chức họp liên ngành; hội nghị sơ kết, tổng kết.

3. Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG QUAN HỆ PHỐI HỢP

Điều 7. Sở Tư pháp

1. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai, đôn đốc, sơ kết, tổng kết công tác phối hợp thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan trong phạm vi quản lý thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Nghị định số 111/2010/NĐ-CP); Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012 của Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng hướng dẫn trình tự, thủ tục tra cứu, xác minh, trao đổi, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp (sau đây gọi là Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP).

3. Phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện, kịp thời chấn chỉnh hoặc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Chủ trì phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ ngành trung ương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

5. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, chủ trì phối hợp với các cơ quan chức năng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp về tình hình thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Công an tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh

1. Phối hợp triển khai, đôn đốc, sơ kết, tổng kết công tác phối hợp thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp thuộc phạm vi quản lý; kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện, kịp thời chấn chỉnh hoặc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

3. Phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ ngành trung ương chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp thuộc phạm vi quản lý, phối hợp với Sở Tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất về tình hình thực hiện việc tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp.

Điều 9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

2. Phối hợp tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ làm công tác tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; kiểm tra, hướng dẫn, kịp thời chấn chỉnh, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Phối hợp kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ ngành Trung ương hướng dẫn giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện và chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp; Tổng hợp tình hình thực hiện, gửi Sở Tư pháp tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tư pháp theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.

Điều 10. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Thực hiện tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của Luật Lý lịch tư pháp; Nghị định số 111/2010/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP; Thực hiện nghiêm túc việc phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với người bị kết án đã đủ thời gian được xóa án tích đương nhiên theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 theo yêu cầu của Sở Tư pháp.

2. Kịp thời phản ánh với Ủy ban nhân dân huyện, thành phố về các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để được xem xét, hướng dẫn giải quyết.

3. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, tổng hợp tình hình thực hiện công tác tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRA CỨU, XÁC MINH, CUNG CẤP THÔNG TIN LÝ LỊCH TƯ PHÁP

Mục 1

Trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để xây dựng Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp

Điều 11. Phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01/7/2010

1. Sở Tư pháp

Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị Tòa án nhân dân, cơ quan Công an, cơ quan Thi hành án dân sự, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, các cơ quan, đơn vị có liên quan cung cấp thông tin lý lịch tư pháp đối với người đã bị Tòa án Việt Nam kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật trước ngày 01 tháng 7 năm 2010 để lập Lý lịch tư pháp của người đó theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Luật Lý lịch tư pháp, khoản 2, khoản 3 Điều 8, Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 111/2010/NĐ-CP.

2. Tòa án nhân dân

Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ cung cấp các thông tin sau cho Sở Tư pháp đã đề nghị:

- a) Bản án hình sự sơ thẩm hoặc bản án hình sự phúc thẩm;
- b) Quyết định thi hành án hình sự;
- c) Giấy chứng nhận đặc xá hoặc thông tin về việc đặc xá;
- d) Quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

* Thời hạn gửi bản án, quyết định quy định tại các điểm a, b Khoản 2 Điều này là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

* Thời hạn gửi quyết định, giấy chứng nhận quy định tại các điểm c, d Khoản 2 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Cơ quan Công an

Phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc thi hành án phạt trực xuất cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn cung cấp thông tin là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

4. Cơ quan Thi hành án dân sự

Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác, thông tin về đình chỉ thi hành án, kết quả thi hành án của người bị kết án cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn cung cấp thông tin là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị có liên quan

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cơ quan, tổ chức đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế,

tước một số quyền công dân có nhiệm vụ có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt cải tạo không giam giữ, án treo, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn cung cấp thông tin là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Điều 12. Phối hợp cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có từ ngày 01/7/2010

1. Tòa án nhân dân

Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ cung cấp các bản án, quyết định, giấy chứng nhận sau đây cho Sở Tư pháp:

1.1. Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có nhiệm vụ cung cấp trích lục bản án hình sự hoặc bản án hình sự đã có hiệu lực pháp luật; trường hợp vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm thì Tòa án đã xét xử phúc thẩm cung cấp bản án phúc thẩm kèm theo bản án sơ thẩm.

1.2. Tòa án đã ra các quyết định sau:

- a) Quyết định thi hành án phạt tù, án treo, án phạt cải tạo không giam giữ;
- b) Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù;
- c) Quyết định miễn chấp hành án phạt tù có thời hạn, án phạt cải tạo không giam giữ;
- d) Quyết định miễn chấp hành án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế;
- đ) Quyết định giảm chấp hành án phạt tù, án phạt cải tạo không giam giữ;
- e) Quyết định rút ngắn thời gian thử thách án treo;
- g) Quyết định thi hành án tử hình; quyết định ân giảm án tử hình.
- h) Quyết định đình chỉ việc chấp hành án phạt tù;
- i) Quyết định đình chỉ thi hành án;
- k) Quyết định miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án đối với khoản thu nộp ngân sách nhà nước;
- l) Giấy chứng nhận đặc xá;
- m) Quyết định xóa án tích hoặc giấy chứng nhận xóa án tích;
- n) Quyết định tiếp nhận chuyển giao, quyết định thi hành án quyết định tiếp nhận chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam;
- o) Quyết định chuyển giao cho người đang chấp hành án phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài.¹⁰
- p) Tòa án đã ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, trong đó có nội dung cấm cá nhân đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

- q) Quyết định thi hành án phạt trực xuất;
- r) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

1.3. Thời hạn gửi văn bản được thực hiện như sau:

- Thời hạn gửi các văn bản quy định tại điểm 1.1 Khoản 1, các tiết h, i, k l, m, n, o, p điểm 1.2 Khoản 1 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nhận được bản án, quyết định hoặc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

Đối với bản án phạt cảnh cáo thì thời hạn gửi trích lục bản án hoặc bản án là 07 ngày làm việc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

- Thời hạn gửi các quyết định quy định tại các tiết a, b, c, d, đ, e, g điểm 1.2 Khoản 1 Điều này là 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định;

- Các quyết định quy định tại các tiết q, r điểm 1.2 Khoản 1 Điều này được gửi ngay sau khi ra quyết định.

2. Cơ quan Công an

Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an các huyện, thành phố có nhiệm vụ cung cấp cho Sở Tư pháp các thông tin sau:

a) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian thử thách án treo, án phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 3 Điều 62, khoản 3 Điều 73 Luật Thi hành án hình sự;

b) Giấy chứng nhận đã chấp hành xong án phạt cấm cư trú, án phạt quản chế, án phạt tước một số quyền công dân, án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định theo quy định tại khoản 4 Điều 82, khoản 3 Điều 89, khoản 5 Điều 103 và khoản 5 Điều 107 Luật Thi hành án hình sự.

* Thời hạn cung cấp giấy chứng nhận quy định tại các điểm a, b Khoản 2 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy chứng nhận.

3. Viện kiểm sát nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù trong trường hợp kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm có nhiệm vụ gửi quyết định đó cho Sở Tư pháp.

* Thời hạn gửi quyết định là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định.

4. Cơ quan Thi hành án dân sự

a) Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố đã ra quyết định thi hành hình phạt tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác của người bị kết án trong bản án hình sự; quyết định đình chỉ thi hành án (nếu có); giấy xác nhận kết quả thi hành án (nếu có) có nhiệm vụ gửi quyết định, giấy xác nhận đó cho Sở Tư pháp

* Thời hạn gửi các quyết định, giấy xác nhận là 10 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định hoặc cấp giấy xác nhận.

b) Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố thông báo bằng văn bản về việc người bị kết án đã chấp hành xong hình phạt

tiền, tịch thu tài sản, án phí và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự cho Sở Tư pháp.

* Thời hạn gửi thông báo là 10 ngày làm việc, kể từ ngày người bị kết án đã chấp hành xong nghĩa vụ dân sự trong bản án hình sự.

Mục 2

Trách nhiệm phối hợp tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp để cấp Phiếu lý lịch tư pháp

Điều 13. Phối hợp tra cứu, xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01/7/2010

1. Sở Tư pháp

Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự cung cấp thông tin về tình trạng án tích của cá nhân để cấp Phiếu lý lịch tư pháp.

2. Cơ quan Công an

Công an tỉnh, Công an các huyện, thành phố có nhiệm vụ cung cấp các thông tin sau cho Sở Tư pháp đã đề nghị:

a) Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt tù, được đặc xá, đại xá có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010.

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện, thành phố cung cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt cho người đã hết thời hạn chấp hành án phạt tại xã, phường, thị trấn trước ngày 01/7/2011 cho Sở Tư pháp. Trường hợp chưa cấp Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt thì trong văn bản cung cấp cần nêu rõ lý do đương sự đã chấp hành xong hay chưa.

c) Thông tin về kết quả xử lý cuối cùng đối với trường hợp Sở Tư pháp chỉ có thông tin về việc đương sự đã từng bị cơ quan Công an bắt lập căn cước, lập danh chỉ bản hoặc bắt để điều tra về hành vi vi phạm pháp luật.

* Thời hạn cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b, c Khoản 2 Điều này là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Tòa án nhân dân

Tòa án nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ cung cấp các thông tin sau cho Sở Tư pháp đã đề nghị:

a) Thông tin về xét xử (cung cấp trích lục bản án hình sự, trường hợp cung cấp bằng văn bản thì nêu rõ họ tên, giới tính, năm sinh, nơi sinh, quốc tịch, nơi cư trú, số CMND, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin về bản án) đối với trường hợp Sở Tư pháp có thông tin về bản án (có số bản án và Tòa án xét xử).

b) Thông tin về xét xử đối với trường hợp Sở Tư pháp chỉ có được thông tin về năm xét xử (không có bản án) hoặc thông tin về bản án nhưng không có số bản án hoặc thông tin về việc cá nhân từng bị cơ quan công an bắt lập căn cước, lập danh chỉ bản, bắt để điều tra về hành vi vi phạm pháp luật (chưa có thông tin về việc có bị xét xử hay không).

* Thời hạn cung cấp thông tin quy định tại các điểm a, b Khoản 3 Điều này là 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Nếu quá thời hạn cung cấp mà Tòa án nhân dân không có thông tin phản hồi thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Viện kiểm sát nhân dân

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân các huyện, thành phố có nhiệm vụ tra cứu, cung cấp thông tin về việc có hay không có thông tin truy tố đối với cá nhân đã từng bị cơ quan Công an bắt lập căn cước, lập danh chỉ bản hoặc bắt để điều tra về hành vi vi phạm pháp luật cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn cung cấp thông tin là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Trường hợp, Viện kiểm sát lưu giữ được thông tin bản án thì Viện kiểm sát cung cấp thông tin bản án cho Sở Tư pháp.

5. Cơ quan Thi hành án dân sự

Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố có nhiệm vụ tra cứu, cung cấp thông tin về tình hình thi hành: hình phạt tiền, án phí, tịch thu tài sản, bồi thường và các nghĩa vụ dân sự khác trong bản án hình sự, thông tin về đình chỉ thi hành án, kết quả thi hành án của người bị kết án cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn cung cấp thông tin là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Trường hợp, cơ quan Thi hành án dân sự lưu giữ được thông tin bản án thì cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm cung cấp thông tin bản án cho Sở Tư pháp.

Mục 3

Phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích đối với người bị kết án đã có đủ thời gian để đương nhiên được xóa án tích theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015

Điều 14. Phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích để cập nhật thông tin vào lý lịch tư pháp

1. Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn để cập nhật thông tin vào lý lịch tư pháp của người đó; trường hợp kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã cho thấy người bị kết án có thể có hành vi phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích thì Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích tại Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân và cơ quan Công an.

2. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh về việc người bị kết án “có hành vi phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích hay không” cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

3. Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an có nhiệm vụ gửi văn bản thông báo kết quả xác minh về việc người bị kết án “có hành vi phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích” hay không (trường hợp kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân cấp xã cho thấy người bị kết án có thể có hành vi phạm tội mới trong thời hạn đang có án tích) cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn gửi văn bản thông báo kết quả xác minh quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu xác minh của Sở Tư pháp.

Điều 15. Phối hợp xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp

1. Sở Tư pháp gửi văn bản yêu cầu xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích của người yêu cầu cấp Phiếu lý lịch tư pháp tại các cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Cơ quan Công an có nhiệm vụ cung cấp thông tin về việc chấp hành xong án phạt quy định tại điểm a, b Khoản 2 Điều 12 Quy chế này cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

3. Tòa án nhân dân có nhiệm vụ cung cấp thông tin về xét xử quy định tại Khoản 3 Điều 12 Quy chế này cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

4. Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Quy chế này cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

5. Cơ quan Thi hành án dân sự có nhiệm vụ cung cấp thông tin về tình hình thi hành án dân sự quy định tại Khoản 5 Điều 12 Quy chế này cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

6. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn cung cấp thông tin về chấp hành xong án phạt quy định tại Khoản 5 Điều 10 Quy chế này cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

7. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cơ quan Công an; Tòa án nhân dân; Viện kiểm sát nhân dân cung cấp thông tin quy định tại Điều 13 Quy chế này cho Sở Tư pháp đã đề nghị.

* Thời hạn cung cấp thông tin quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều này là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

Mục 4

Phối hợp rà soát, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

Điều 16. Phối hợp rà soát, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp giữa Sở tư pháp với cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Tư pháp

Định kỳ hằng quý, Sở Tư pháp có nhiệm vụ gửi văn bản kèm theo trích sao báo cáo thống kê thông tin lý lịch tư pháp đã nhận được để đề nghị Tòa án nhân

dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an các huyện, thành phố thực hiện rà soát, đối chiếu về số lượng thông tin lý lịch tư pháp đã cung cấp cho Sở Tư pháp theo quy định tại Điều 13, Điều 14, khoản 3 Điều 15, khoản 4 Điều 16, Điều 17, Điều 20 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP.

2. Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an các huyện, thành phố có nhiệm vụ rà soát, xác minh, đối chiếu số liệu thông tin lý lịch tư pháp mà cơ quan, đơn vị có nhiệm vụ cung cấp và thông báo cho Sở Tư pháp.

* Thời hạn thông báo là 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp.

3. Trường hợp số lượng thông tin lý lịch tư pháp cung cấp chưa đầy đủ, Sở Tư pháp Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân các huyện, thành phố, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh, Chi cục Thi hành án dân sự các huyện, thành phố, Phòng Hồ sơ nghiệp vụ Công an cấp tỉnh, Bộ phận thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an các huyện, thành phố xác minh, cung cấp thêm thông tin.

Điều 17. Phối hợp rà soát, cung cấp thông tin giữa Sở Tư pháp và cơ quan quản lý các cơ sở dữ liệu khác

1. Sở Tư pháp

Trong quá trình cập nhật thông tin lý lịch tư pháp, các thông tin về nhân thân như: họ, tên, ngày tháng năm sinh, số chứng minh nhân dân, nơi cư trú, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và thông tin khác về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã có điểm chưa rõ ràng, chính xác, Sở Tư pháp gửi văn bản đề nghị xác minh tại cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký, quản lý cư trú và cấp, quản lý chứng minh nhân dân; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường, thị trấn.

2. Cơ quan Công an

Cơ quan Công an có thẩm quyền đăng ký, quản lý cư trú và cấp, quản lý chứng minh nhân dân có nhiệm vụ cung cấp thông tin về nơi cư trú, số chứng minh nhân dân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã cho Sở Tư pháp.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường, thị trấn

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã phường, thị trấn có trách nhiệm cung cấp các thông tin sau cho Sở Tư pháp:

a) Thông tin về họ, tên, ngày tháng năm sinh, họ tên cha, mẹ, vợ, chồng và những thông tin khác về nhân thân của người bị kết án, người bị cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã.

b) Bản sao Trích lục thay đổi, cải chính hộ tịch và bản sao Trích lục khai tử cho người từ đủ 14 tuổi trở lên.

* Thời hạn cung cấp thông tin quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Sở Tư pháp. Đối với những trường hợp đặc biệt cần xác minh nhiều nơi thời hạn có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày làm việc.

Mục 5

Cách thức xác minh, cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

Điều 18. Hình thức và phương thức cung cấp thông tin lý lịch tư pháp

1. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi dưới một trong các hình thức sau:

a) Trích lục bản án hình sự hoặc bản chính hoặc bản sao bản án;

b) Bản chính hoặc bản sao quyết định, giấy chứng nhận, giấy xác nhận, văn bản thông báo;

c) Văn bản định dạng PDF (có chữ ký và con dấu) trong trường hợp cung cấp qua mạng máy tính. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính phải bảo đảm tính bảo mật, an toàn, chính xác của thông tin;

d) Đối với thông tin lý lịch tư pháp có trước ngày 01 tháng 7 năm 2010, ngoài hình thức nêu tại điểm b, c khoản này, có thể được gửi dưới hình thức công văn trả lời.

2. Thông tin lý lịch tư pháp được gửi bằng một trong các phương thức như trực tiếp, qua bưu điện, mạng máy tính.

Trường hợp thông tin lý lịch tư pháp được cung cấp qua mạng máy tính thì các cơ quan có liên quan phải có văn bản thông báo địa chỉ thư điện tử chính thức của cơ quan mình hoặc của bộ phận làm đầu mối cung cấp thông tin lý lịch tư pháp cho Sở Tư pháp. Sở Tư pháp có nhiệm vụ cung cấp địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin. Việc cung cấp thông tin qua mạng máy tính chỉ được thực hiện sau khi Sở Tư pháp thông báo cho các cơ quan có liên quan địa chỉ thư điện tử chính thức của bộ phận tiếp nhận thông tin.

Điều 19. Trường hợp cần thiết, Sở Tư pháp phải thực hiện xác minh trực tiếp thì cơ quan Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Công an, cơ quan Thi hành án dân sự và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp tra cứu, cung cấp thông tin ngay trong buổi làm việc. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm, địa điểm lập biên bản, họ tên, chức vụ của người tham gia, nội dung làm việc, kết quả xác minh, giấy tờ văn bản kèm theo (nếu có). Biên bản được lập thành hai bản, có chữ ký của người đại diện các cơ quan tham gia và được đóng dấu xác nhận của cơ quan, đơn vị nơi thực hiện việc xác minh.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp; cơ quan Công an, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, cơ quan Thi hành án dân sự, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức liên quan, trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của đơn vị mình có trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Sở Tư pháp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy chế này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng